

...uốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

1. Tên thuốc:

VIGENTIN 875 mg/125 mg

2. Các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc:

Thuốc bán theo đơn.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Đề xa tầm tay trẻ em.

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến của thầy thuốc.

Không dùng khi thuốc đã hết hạn sử dụng, viên thuốc bị vỡ, biến màu...

3. Thành phần công thức thuốc:

Thành phần được chất:

Amoxicilin (dưới dạng amoxicilin trihydrat) 875 mg.

Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat trộn lẫn với cellulose vi tinh thể tỷ lệ 1:1) 125 mg.

Thành phần tá dược: Cellulose vi tinh thể, crospovidon, Aerosil R200, magnesi stearat, Opadry, isopropanol, dicloromethan vừa đủ 1 viên.

4. Dạng bào chế: Viên nén bao phim.

Mô tả dạng bào chế: Viên nén dài bao phim, có vạch phân liều và chữ AC (được đập lên

mặt viên), màu trắng ngà, mặt viền nhẵn, cạnh viên lồi lõm, chiều dài 2 cm, chiều rộng 0,9

cm.

5. Chỉ định:

VIGENTIN được dùng để điều trị trong thời gian ngắn các trường hợp nhiễm khuẩn sau:

Nhiễm khuẩn đường hô hấp trên: viêm Amidan, viêm xoang, viêm tai giữa đã được điều trị

bằng các kháng sinh thông thường nhưng không đỡ.

Nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới bởi các chủng *H. influenzae* và *Branhamella catarrhalis*

sản sinh beta - lactamase: viêm phế quản cấp và mạn, viêm phổi - phế quản.

Nhiễm khuẩn nặng đường tiết niệu - sinh dục bởi các chủng: *E. coli*, *Klebsiella* và

Enterobacter sản sinh beta - lactamase: viêm bàng quang, viêm niệu đạo, viêm bể thận.

Nhiễm khuẩn da và mô mềm: mụn nhọt, áp xe, nhiễm khuẩn vết thương.

Nhiễm khuẩn xương và khớp: viêm tuỷ xương. Nhiễm khuẩn nha khoa: áp xe ổ răng.

Các nhiễm khuẩn khác: nhiễm khuẩn do nạo thai.

6. Cách dùng, liều dùng:

Cách dùng:

Uống thuốc vào lúc bắt đầu ăn để giảm thiểu hiện tượng không dung nạp thuốc ở đường

tiêu hoá.

Không dùng thuốc quá 14 ngày mà không kiểm tra xem xét lại cách điều trị.

Liều dùng:

Liều lượng được biểu thị dưới dạng amoxicilin:

Liều người lớn:

+ Liều thông thường: 500 mg/lần x 3 lần/24 giờ hoặc 875 mg/lần x 2 lần/24 giờ.

+ Liều cao hơn - (đặc biệt cho các bệnh nhiễm khuẩn như viêm tai giữa, viêm xoang, viêm

đường hô hấp dưới, viêm đường tiết niệu): 875 mg/lần x 3 lần/24 giờ.

Liều trẻ em:

Trẻ em từ 40 kg cân nặng trở lên: uống theo liều người lớn.

Trẻ em dưới 40 kg cân nặng: liều thông thường: 80 mg amoxicilin / kg cân nặng/ ngày, chia

lần 3 lần / 24 giờ.

Liều cho bệnh nhân suy thận:

Độ thanh thải creatinin (Cl Cr) > 30 ml/phút: Liều không cần thay đổi.

Cl Cr từ 15 đến 30 ml/phút: Dùng liều thông thường cho cách nhau 12 - 18 giờ/lần.

Cl Cr từ 5 đến 15 ml/phút: Dùng liều thông thường cho cách nhau 20 - 36 giờ/lần.

Cl Cr dưới 5 ml/phút: Dùng liều thông thường cho cách nhau 48 giờ/lần.

Nếu chạy thận nhân tạo, cho 1 viên 500 mg (tính theo hàm lượng amoxicilin) giữa thời gian

mỗi lần thẩm phân và thêm 1 viên 500 mg sau mỗi lần thẩm phân.

7. Chống chỉ định:

Đị ứng với các kháng sinh thuộc nhóm beta - lactamin.

Tăng bạch cầu đơn nhân do nhiễm khuẩn.

Bệnh nhân có tiền sử vàng da, rối loạn chức năng gan do dùng amoxicilin và clavulanat

hay các penicilin vi acid clavulanic gây tăng nguy cơ ở mặt trong gan.

8. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

Đối với những người bệnh có biểu hiện rối loạn chức năng gan: Các dấu hiệu và triệu

chứng vàng da ở mặt tuy ít xảy ra khi dùng thuốc nhưng có thể nặng. Tuy nhiên những triệu

chứng đó thường hồi phục được và sẽ hết sau 6 tuần ngừng điều trị.

Đối với những người bệnh suy thận trung bình hay nặng cần chú ý đến liều lượng dùng.

Đối với những người bệnh có tiền sử quá mẫn với các penicilin có thể có phản ứng nặng

hay tử vong.

Khi dùng với những người bệnh dùng amoxicilin bị mẫn đó kèm với hội chứng

Dùng thuốc kéo dài đôi khi làm phát triển các vi khuẩn kháng thuốc.

9. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Thời kỳ mang thai:

Nghiên cứu thực nghiệm trên quạ trình sinh sản của chuột đã chứng minh khi dùng chế

phẩm theo đường uống và tiêm đều không gây dị dạng. Tuy nhiên, vì còn ít kinh nghiệm về

dùng chế phẩm cho người mang thai, nên cần tránh sử dụng thuốc ở người mang thai nhất

là trong 3 tháng đầu, trừ trường hợp cần thiết do thầy thuốc chỉ định.

Thời kỳ cho con bú:

Trong thời kỳ cho con bú có thể dùng chế phẩm. Thuốc không gây hại cho trẻ đang bú mẹ

trừ khi có nguy cơ bị mẫn cảm do có một lượng rất nhỏ thuốc trong sữa.

10. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc:

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

11. Tương tác, tương kỵ của thuốc:

Thuốc có thể gây kéo dài thời gian chảy và đông máu. Vì vậy, cần phải cẩn th

những người bệnh đang điều trị bằng thuốc chống đông máu.

Như các kháng sinh phổ rộng khác, VIGENTIN làm giảm hiệu lực của các thuốc tr

dạng uống, do đó cần phải báo trước cho người bệnh.

12. Tác dụng không mong muốn của thuốc

Với liều bình thường, tác dụng không mong muốn thể hiện trên 5% số người bệnh; thường

gặp nhất là những phản ứng về tiêu hóa: ỉa chảy, buồn nôn, nôn. Tỷ lệ phản ứng này tăng

lên khi dùng liều cao hơn và thường gặp nhiều hơn so với dùng đơn chất amoxicilin.

Thường gặp, ADR > 1/100

Tiêu hóa: ỉa chảy.

Da: Ngoại ban, ngứa.

Ít gặp, 1/1000 < ADR < 1/100

Máu: Tăng bạch cầu ái toan.

Tiêu hóa: Buồn nôn, nôn.

Gan: Viêm gan và vàng da ở một, tăng transaminase. Có thể nặng và kéo dài trong vài tháng.

Da: Ngứa, ban đỏ, phát ban.

Hiếm gặp, ADR < 1/1000

Toàn thân: Phản ứng phản vệ, phù Quincke.

Máu: Giảm nhẹ tiểu cầu, giảm bạch cầu, thiếu máu tan máu.

Tiêu hóa: Viêm đại tràng giả mạc.

Da: Hội chứng Stevens - Johnson, ban đỏ đa dạng, viêm da bong, hoại tử biểu bì do ngộ

độc.

Thận: Viêm thận kẽ.

13. Quá liều và cách xử trí

Dùng quá liều, thuốc ít gây ra tai biến, vì được dung nạp tốt ngay cả ở liều cao. Trường hợp

chức năng thận giảm và hàng rào máu - não kém, thuốc tiềm sẽ gây triệu chứng nhiễm

độc. Tuy nhiên nói chung những phản ứng cấp xảy ra phụ thuộc vào tình trạng quá mẫn

của từng cá thể. Nguy cơ chắc chắn là tăng kali huyết khi dùng liều rất cao vì acid

clavulanic được dùng dưới dạng muối kali. Có thể dùng phương pháp thẩm phân máu để

loại thuốc ra khỏi tuần hoàn.

14. Đặc tính dược lý học:

Amoxicilin là kháng sinh bán tổng hợp thuộc họ beta - lactamin có phổ diệt khuẩn rộng đối

với nhiều vi khuẩn Gram dương và Gram âm do ức chế tổng hợp thành tế bào vi khuẩn.

Nhưng vi amoxicilin rất dễ bị phá hủy bởi beta - lactamase, do đó không có tác dụng đối với

những chủng vi khuẩn sản sinh ra các enzym này (nhiều chủng *Enterobacteriaceae* và

Haemophilus influenzae).

Acid clavulanic do sự lên men của *Streptomyces clavuligerus*, có cấu trúc beta - lactam

gần giống với penicilin, có khả năng ức chế beta - lactamase do phần lớn các vi khuẩn

Gram âm và *Staphylococcus* sinh ra. Đặc biệt nó có tác dụng ức chế mạnh các beta -

lactamase truyền qua plasmid gây kháng các penicilin và các cephalosporin.

Pseudomonas aeruginosa, *Proteus morganii* và *rettgeri*, một số chủng *Enterobacter* và

Providentia kháng thuốc, và cả tụ cầu kháng methicilin cũng kháng thuốc này. Bản thân

acid clavulanic có tác dụng kháng khuẩn rất yếu.

Acid clavulanic giúp cho amoxicilin không bị beta - lactamase phá hủy, đồng thời mở rộng

thảm phủ kháng khuẩn của amoxicilin một cách hiệu quả đối với nhiều vi khuẩn thông

thường đã kháng lại amoxicilin, kháng các penicilin khác và các *Pneumococcus*, các

Streptococcus beta tan máu, *Staphylococcus* (chúng nhạy cảm với penicilin không bị ảnh

hưởng của penicilinase), *Haemophilus influenzae* và *Branhamella catarrhalis* kể cả

những chủng sản sinh mạnh beta - lactamase. Tóm lại phổ diệt khuẩn của thuốc bao gồm:

Vi khuẩn Gram dương:

Loại hiếu khí: *Streptococcus faecalis*, *Streptococcus pneumoniae*, *Streptococcus*

pyogenes, *Streptococcus viridans*, *Staphylococcus aureus*, *Corynebacterium*, *Bacillus*

anthracis, *Listeria monocytogenes*.

Loại kỵ khí: Các loài *Clostridium*, *Peptococcus*, *Peptostreptococcus*.

Vi khuẩn Gram âm:

Loại hiếu khí: *Haemophilus influenzae*, *Escherichia coli*, *Proteus mirabilis*, *Proteus*

vulgaris, các loài *Klebsiella*, *Salmonella*, *Shigella*, *Bordetella*, *Neisseria gonorrhoeae*,

Neisseria meningitidis, *Vibrio cholerae*, *Pasteurella multocida*.

Loại kỵ khí: Các loài *Bacteroides* kể cả *B. fragilis*.

15. Đặc tính dược động học:

Amoxicilin và clavulanat đều hấp thu dễ dàng qua đường uống. Nồng độ của 2 chất này

trong huyết thanh đạt tối đa sau 1 - 2 giờ uống thuốc. Với liều 250 mg (hay 500 mg) sẽ có 5

microgam/ml (hay 8 - 9 microgam/ml) amoxicilin và khoảng 3 microgam/ml acid clavulanic

trong huyết thanh. Sau 1 giờ uống 20 mg/kg amoxicilin + 5mg/kg acid clavulanic, sẽ có

trung bình 8,7 microgam/ml amoxicilin và 3,0 microgam/ml acid clavulanic trong huyết

thanh. Sự hấp thu của thuốc không bị ảnh hưởng bởi thức ăn và tốt nhất là uống ngay

trước bữa ăn.

Khả dụng sinh học đường uống của amoxicilin là 90% và của acid clavulanic là 75%. Nửa

đời sinh học của amoxicilin trong huyết thanh là 1 - 2 giờ và của acid clavulanic là khoảng 1

giờ. 55 - 70% amoxicilin và 30 - 40% acid clavulanic được thải qua nước tiểu dưới dạng

hoạt động. Probenecid kéo dài thời gian đào thải của amoxicilin nhưng không ảnh hưởng

đến sự đào thải của acid clavulanic.

16. Quy cách đóng gói:

Hộp 2 vỉ nhôm - nhôm x 7 viên, có kèm hướng dẫn sử dụng thuốc.

17. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc:

Điều kiện bảo quản: Nơi khô, dưới 30°C.

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS.

18. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG I - PHARBARCO

Sản xuất tại: 160 Tôn Đức Thắng - Đống Đa - Hà Nội